

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-PT

Ngày 15. 6. 2020

“V/v chia tài sản chung sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Sinh

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/HNGĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2020 về chia tài sản chung sau ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 370/2019/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2020/QĐXXPT-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị C; sinh năm 1987; địa chỉ: 70 Lư Giang, tổ 73, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Trần Phước T; sinh năm 1978; địa chỉ: 70 Lư Giang, tổ 73 phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; có mặt

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng công chứng Phước N; địa chỉ: 696 Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Bà Cao Thị K, sinh năm 1941, trú tại: 34 Dương Loan, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

* *Người đại diện hợp pháp của bà Cao Thị K:* Ông Nguyễn Văn Bình, sinh năm 1961, địa chỉ: 468 Trần Cao Vân, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/5/2020); có mặt.

3. Ông Trần Ch, sinh năm 1965, địa chỉ: 34 Dương Loan, tổ 72 phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1970, địa chỉ: 34 Dương Loan, tổ 72 phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

5. Ông Trần H, sinh năm 1972, địa chỉ: 34 Trung Lương 3, tổ 73 phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

6. Bà Trần Thị H, sinh năm 1975, địa chỉ: 36 Trung Lương 3, tổ 73 phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

7. Bà Trần Thị H, sinh năm 1984, địa chỉ: 129 Hoàng Hiệp, tổ 79 phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

1/ Ông Trần Phước Đ, sinh năm 1946, địa chỉ: 259-262 Đô Đốc Lộc, tổ 72 phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2/ Bà Trần Thị T, sinh năm 1923, địa chỉ: 158-160 Đô Đốc Lộc, tổ 72 phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

3/ Ông Huỳnh T, sinh năm 1967, địa chỉ: 34 Dương Loan, tổ 72 phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:*

Bà và ông Trần Phước T trước đây là vợ chồng kết hôn vào năm 2011, nhưng đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 361/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ.

Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông Trần Phước T có tạo lập tài sản chung gồm: Đất và nhà tại thửa đất số 688, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất khu E mở rộng -KDC

Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (nay là 70 Lư Giang, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng); diện tích đất 125,1 m². Nguồn gốc thửa đất này là của cha mẹ ông T tạo lập nên. Sau khi cha ông T chết thì bà Cao Thị K (mẹ ông T) thừa kế tài sản trên. Đến tháng 5/2014, bà Khanh lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên cho ông T và ông T đã đăng kí thay đổi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/5/2014.

Đến tháng 7/2014, ông Trần Phước T tặng cho bà một nửa quyền sử dụng đất trên. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T và bà đã được công chứng vào ngày 31/7/2014 tại Văn phòng công chứng Phước N. Sau đó bà đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh quận Cẩm Lệ để thay đổi tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng do trước đó vào tháng 4/2014, ông Trần Phước T và bà đã xây dựng một căn nhà hai tầng nên sau khi kiểm tra thực tế Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Cẩm Lệ trả hồ sơ lại lý do ông T và bà chưa đến Ủy ban nhân dân phường Hòa X để lập cam kết chuyển quyền sử dụng nhà trên đất. Sau khi nhận lại hồ sơ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất bà và ông T đến Ủy ban nhân dân phường Hòa X để lập cam kết, nhưng cán bộ phường yêu cầu nộp 15.000.000 đồng tiền thuế thu nhập cá nhân cho hoạt động xây dựng căn nhà (số tiền này đúng ra do chủ thầu xây dựng nộp nhưng chủ thầu đã hoàn thành công trình và đi khỏi) mới ký xác nhận các giấy tờ. Vì đang hết tiền nên bà chưa đóng tiền. Đồng thời bà cũng nghĩ rằng là vợ chồng thì cứ từ từ thay đổi giấy chứng nhận nên từ đó đến nay vẫn chưa đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nữa. Phần tài sản gắn liền trên đất là căn nhà 02 tầng do ông T và bà tự xây dựng trong thời kỳ hôn nhân.

Nay bà yêu cầu chia tài sản chung gồm: Đất và nhà tại thửa đất số 688, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (Nay là 70 Lư Giang, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, tp Đà Nẵng.) Diện tích đất 125,1m² trên đất có một căn nhà hai tầng, diện tích xây dựng 92m², diện tích sử dụng 187,6m². Bà hoàn toàn thống nhất với chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá BTCValue. Cụ thể giá trị quyền sử dụng đất là 3.383.165.619 đồng, giá trị nhà là 812.941.245 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được định giá là 4.196.106.864 đồng.

Bà có nguyện vọng được nhận nhà và đất, bà sẽ thôi trả cho ông Trần Phước T ½ giá trị nhà đất nêu trên tương đương với số tiền là 2.098.053.342 đồng hoặc nếu ông Trần Phước T nhận nhà và đất trên thì ông T có nghĩa vụ thôi trả cho bà ½ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tương đương 2.098.053.342 đồng.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị K về việc hủy Hợp đồng tặng cho giữa ông Trần Phước T và bà Trần Thị C và hủy Hợp đồng tặng cho giữa bà Cao Thị K với ông Trần Phước T, bà không đồng ý với lý do: Giấy thỏa thuận được lập giữa những người trong gia đình nhưng bà không hề hay biết giấy thỏa thuận này. Nhà đất tại 70 Lư Giang từ trước đến nay thì chỉ có bà và ông T ở và cũng không phải là nhà thờ như bà Cao Thị K đã trình bày. Việc xuất hiện Giấy thỏa thuận đề nghị Tòa xem xét tính chân thật của bản thỏa thuận này.

**Bị đơn ông Trần Phước T trình bày:*

Ông và bà Trần Thị C trước đây là vợ chồng có kết hôn vào năm 2011, nhưng đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 361/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ.

Ngày 03/4/2014, mẹ ruột ông là bà Cao Thị K có tặng cho ông 1 mảnh đất tại thửa đất 688, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (nay là 70 Lư Giang, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.); diện tích đất 125,1m². Việc tặng cho trên đã được lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Phước N, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Đến ngày 07/5/2014 thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đà Nẵng tại quận Cẩm Lệ đã chỉnh lý sang tên ông. Sau khi được Nhà nước công nhận việc sử dụng đối với phần đất được tặng cho trên thì cũng trong khoảng tháng 5 năm 2014, ông và bà Cúc đã tiến hành xây dựng ngôi nhà 02 tầng trên diện tích đất trên.

Đến ngày 31/7/2014, ông đã tự nguyện lập Hợp đồng tặng cho ½ quyền sử dụng đất nêu trên cho vợ là bà Trần Thị C, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phước N. Ông đồng ý với trình bày của bà Cúc về nguyên nhân chưa đăng ký tên chung trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do tại thời điểm đó không có tiền để nộp thuế thu nhập cá nhân do hoạt động xây dựng căn nhà 02 tầng.

Ông hoàn toàn thống nhất với định giá của công ty BTCValue, giá trị quyền sử dụng đất là 3.383.165.619đồng, giá trị nhà là 812.941.245 đồng, tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được định giá là 4.196.106.864 đồng.

Nay bà Cúc yêu cầu chia đôi tài sản chung gồm có đất và nhà. Đối với phần tài sản trên đất là ngôi nhà 02 tầng có giá trị 812.941.245 đồng, ông xác định đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên đồng ý chia theo tỷ lệ 50/50, mỗi

người sẽ được hưởng phần giá trị là 406.470.622đ. Nhưng yêu cầu bà Cúc về việc chia $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất thì ông không đồng ý với lý do sau: Nguồn gốc đất là của ba mẹ ông, sau khi ba ông chết, mẹ ông đã hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế do cha ông để lại cho mẹ ông và các anh chị em của ông. Ông là con út trong gia đình và chưa có nhà riêng nên ngày 03/4/2014 mẹ ông, bà Cao Thị K đã tự nguyện đến Văn phòng công chứng Phước N để tặng cho toàn bộ phần diện tích đất tại thửa đất số 688, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cho ông. Mục đích mẹ ông cho là để ông thờ tự ba mẹ sau này. Mặc dù ngày 31/7/2014 tại Văn phòng công chứng Phước N ông đã tự nguyện tặng cho $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất nêu trên cho vợ là bà Trần Thị C nhưng việc ông tự nguyện tặng cho này đã vi phạm giấy thỏa thuận lập ngày 30/3/2014 của gia đình ông nên việc tặng cho này không có giá trị. Vì vậy ông xác định về giá trị quyền sử dụng đất trên là của mẹ ông, không phải của ông nên ông không đồng ý chia 50/50 cho bà Cúc. Ông có nguyện vọng được nhận nhà và đất nêu trên đồng thời sẽ thôi trả $\frac{1}{2}$ giá trị công trình xây dựng trên đất tương đương với số tiền 406.470.622đ cho bà Trần Thị C.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị K về việc yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 31/7/2014 giữa ông là Trần Phước T và Trần Thị C, hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 03/4/2014 giữa mẹ ông bà Cao Thị K với Trần Phước T là ông, ông thống nhất với ý kiến của mẹ ông vì việc ông tặng cho $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất cho bà Cúc đã vi phạm biên bản thỏa thuận của gia đình lập ngày 30/3/2014 giữa các thành viên trong gia đình gồm có mẹ ông và các anh chị em trong gia đình gồm ông Trần Ch, bà Trần Thị Th, ông Trần H, bà Trần Thị H, bà Trần Thị H và ông, trước sự chứng kiến của các ông bà Trần Phước Đ, Trần Thị T, Trần Tâm đã lập giấy thỏa thuận với nội dung đồng ý tặng cho ông một lô đất đường 7,5m, thửa đất số 688, tờ bản đồ 00 diện tích 125,1m² tại Khu E mở rộng, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng để làm tài sản riêng, không được làm tài sản chung của vợ chồng, không được mua bán, chuyển nhượng, tặng cho người khác dưới bất cứ hình thức nào, được làm nhà trên đất để ở, nếu vi phạm thì việc tặng cho của gia đình không còn giá trị. Ông được quyền làm thủ tục sang tên Trần Phước T theo quy định của pháp luật. Đây là phần đất được phân lô sau khi giải tỏa đền bù, ông là con út nên ở cùng với mẹ và sau này là ngôi từ đường để thờ cha mẹ, là đất hương quả, không được mua bán đổi cho, ông cùng các anh chị em đồng phụng sự mẹ lúc già yếu. Việc ông tặng cho bà Trần Thị C một nửa giá trị quyền sử dụng đất tại 70 Lư Giang đã vi phạm biên bản thỏa thuận của gia đình lập ngày 30/3/2014.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị K trình bày:*

Bà yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 31/7/2014 giữa Trần Phước T và Trần Thị C, hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 03/4/2014 tại Văn phòng công chứng Phước N giữa bà với con trai Trần Phước T do Trần Phước T vi phạm thỏa thuận của gia đình lập ngày 30/3/2014.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Trần Thị C với ông Trần Phước T. Về giá trị quyền sử dụng đất, bà không đồng ý với yêu cầu chia của bà Cúc vì đây là đất của gia đình bà, bà cho ông T là để ở và để thờ tự ông bà, cha mẹ sau này, không được chuyển nhượng, tặng cho bất kỳ ai.

Đối với phần giá trị tài sản trên đất là căn nhà 02 tầng theo chứng thư thẩm định giá có giá trị là 812.941.245 đồng, bà thống nhất đây là tài sản chung của vợ chồng ông Trần Văn T và bà Trần Thị C trong thời kỳ hôn nhân nên đồng ý với ý kiến của bà Cúc, ông T về việc chia theo tỷ lệ 50/50.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ch, bà Trần Thị Th, ông Trần H, bà Trần Thị H, bà Trần Thị H trình bày:*

Cha mẹ chúng tôi là ông Trần Khế và bà Cao Thị K, năm 2001 cha chúng tôi chết. Khi chết cha chúng tôi đã để lại di sản là một số tài sản là đất ở phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Sau đó vào ngày 24/12/2013 tại Văn phòng công chứng Phước N mẹ và các anh chị em chúng tôi đã yêu cầu Công chứng viên lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, theo đó mẹ chúng tôi bà Cao Thị K được nhận toàn bộ tài sản thừa kế cha chúng tôi đã để lại. Trong đó có 01 lô đất đường 7,5m, thửa đất số 688, tờ bản đồ 00 diện tích 125,1m² tại Khu E mở rộng, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ngày 30/3/2014 gia đình chúng tôi lập Giấy thỏa thuận với nội dung đồng ý cho ông Trần Phước T lô đất nêu trên để làm tài sản riêng, không được làm tài sản chung của vợ chồng, không được mua bán, chuyển nhượng, tặng cho người khác dưới bất cứ hình thức nào, được làm nhà trên đất để ở, nếu vi phạm thì việc tặng cho của gia đình không còn giá trị. Trần Phước T được quyền làm thủ tục sang tên Trần Phước T theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc Trần Phước T tự ý ra Văn phòng công chứng để làm thủ tục tặng cho bà Trần Thị C đã vi phạm nghiêm trọng nội dung trong giấy thỏa thuận lập ngày 30/3/2014.

Chúng tôi không đồng ý để Trần Thị C được nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 688, tờ bản đồ 00, địa chỉ Khu E mở rộng - KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Chúng tôi hoàn toàn thống nhất với yêu cầu của mẹ chúng tôi là yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 31/7/2014 giữa Trần Phước T và Trần Thị C, hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 03/4/2014 giữa bà Cao Thị K với ông Trần Phước T do Trần Phước T vi phạm Giấy thỏa thuận lập ngày 30/3/2014.

Chúng tôi thống nhất đối với phần giá trị tài sản trên đất là căn nhà 02 tầng theo chứng thư thẩm định giá có giá trị là 812.941.245 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông Trần Văn T và bà Trần Thị C trong thời kỳ hôn nhân nên đồng ý với ý kiến của bà Cúc, ông T về việc chia theo tỷ lệ 50/50.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng công chứng Phước N có bản trình bày:*

Ngày 03/4/2014 Công chứng viên Văn phòng công chứng Phước N đã chứng nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1127/HĐTC-VSTL-CCPN giữa bên tặng cho là bà Cao Thị K và bên nhận tặng cho là ông Trần Phước T. Tài sản tặng cho là 01 lô đất tại thửa đất số 688, tờ bản đồ 00, địa chỉ: Khu E mở rộng - KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 305846 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/10/2013. Tại thời điểm công chứng các bên có năng lực hành vi dân sự và đã ký, điểm chỉ vào hợp đồng trước mặt công chứng viên. Căn cứ theo quy định của pháp luật, Công chứng viên Văn phòng công chứng Phước N đã chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên là đúng với quy định.

** Những người làm chứng, ông Trần Phước Đ, bà Trần Thị T, ông Huỳnh T trình bày:*

Ông Trần Phước Đ là anh chồng của bà Cao Thị K, bà Trần Thị T là chị chồng của bà Cao Thị K, ông Huỳnh T là con rể của bà Cao Thị K, ngày 30/3/2014 gia đình bà Cao Thị K lập Giấy thỏa thuận về việc tặng cho Trần Phước T 01 lô đất tại thửa đất số 688, tờ bản đồ 00, địa chỉ: Khu E mở rộng - KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng trước khi bà Cao Thị K yêu cầu công chứng viên lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 03/4/2014 tại Văn phòng công chứng Phước N giữa bà Cao Thị K với con trai bà là ông Trần Phước T. Các ông, bà tham gia với tư cách là người làm chứng, ông Huỳnh T là người ghi giấy thỏa thuận. Nội dung của giấy thỏa thuận là gia đình thống nhất cho con trai Trần Phước T lô đất nêu trên để làm tài sản riêng, không được làm tài sản chung của vợ chồng,

không được mua bán, chuyển nhượng, tặng cho người khác dưới bất cứ hình thức nào, được làm nhà trên đất để ở, nếu vi phạm thì việc tặng cho của gia đình không còn giá trị.

Việc Trần Phước T tặng cho bà Trần Thị C các ông, bà đều không được biết. Nay bà Cao Thị K yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 31/7/2014 giữa Trần Phước T và Trần Thị C, hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 03/4/2014 giữa bà Cao Thị K với Trần Phước T do vi phạm Giấy thỏa thuận lập ngày 30/3/2014, các ông, bà không có ý kiến gì vì đây là việc nội bộ gia đình bà Cao Thị K.

Với nội dung trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 370/2019/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, đã xử và quyết định:

- Căn cứ các điều 33, 46, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các điều 28, 39, 147, 227, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 465, 467, 722 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 6 và Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” giữa bà Trần Thị C với ông Trần Phước T. Bà Trần Thị C được nhận 30% giá trị quyền sử dụng đất và $\frac{1}{2}$ giá trị nhà trên đất.

Xử: Giao cho ông Trần Phước T được quản lý, sử dụng và sở hữu đối với ngôi nhà 02 tầng có diện tích xây dựng 86,5m², diện tích sử dụng 178m², sân trước có diện tích 24,5m², sân sau có diện tích 5m², có kết cấu: móng đá và bê tông, trụ, khung, dầm, giằng, sàn bằng bê tông cốt thép được xây dựng trên thửa đất số 688, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 305846 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/10/2013 đứng tên bà Cao Thị K, ông Trần Khế (chết), ngày 07/5/2014 thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đà Nẵng tại quận Cẩm Lệ đã chỉnh lý sang tên ông Trần Phước T. Ngôi nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ là số 70 Lư Giang, tổ 73 phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng trị giá 4.196.106.864 đồng. Ngôi nhà và thửa đất có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp đất trống, hướng Tây giáp đất trống, hướng Nam giáp đường Lư Giang, hướng Bắc giáp mương thoát nước.

Ông Trần Phước T có nghĩa vụ bồi trả phần chênh lệch chia tài sản chung cho bà Trần Thị C với số tiền là 1.421.420.307 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi ngàn ba trăm lẻ bảy đồng).

Ông Trần Phước T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị K về việc Hủy hợp đồng tặng cho ngày 03/4/2014 giữa bà Cao Thị K với ông Trần Phước T và Hủy hợp đồng tặng cho ngày 31/7/2014 giữa ông Trần Phước T với bà Trần Thị C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/12/2019 và ngày 07/01/2020, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng nhận được đơn kháng cáo của ông Trần Phước T với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, trả lại thửa đất cho mẹ ông do ông đã vi phạm thỏa thuận của gia đình. Ông không có số tiền lớn để bồi trả chênh lệch cho bà Cúc, đề nghị sửa án sơ thẩm, buộc bà Cúc bồi trả chênh lệch cho ông 70% giá trị đất và $\frac{1}{2}$ giá trị nhà hoặc hủy án sơ thẩm để xử lại bán nhà và đất, ông nhận 70%, bà Cúc nhận 30% giá trị nhà đất.

Ngày 03/02/2020 ông Trần Phước T kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do ông ký hợp đồng tặng cho bà Cúc 62,55m² đất nhưng trong thời hạn quy định, bà Cúc và ông không đăng ký biến động thì hợp đồng tặng cho chưa phát sinh hiệu lực nhưng Tòa án xử chia cho bà Cúc 30% giá trị đất là trái pháp luật.

Ngày 30/12/2019 Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng nhận được đơn kháng cáo của bà Cao Thị K với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, trả lại thửa đất cho bà do ông Trần Phước T đã vi phạm thỏa thuận của gia đình.

Ngày 03/02/2020 bà Cao Thị K kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà về việc hủy 02 hợp đồng tặng cho ngày 03/4/2014 và ngày 31/7/2014 là trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo, bị đơn ông Trần Phước T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị K do ông Nguyễn Văn Bình đại diện yêu cầu sửa bản án sơ thẩm hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Phước T và bà Trần Thị C; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Cao Thị K và ông Trần Phước T; nguyên đơn, bà Trần Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông T, bà Khanh. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 465, 467 và Điều 722 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 33, 46 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 370/2019/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Phước T và bà Cao Thị K kháng cáo. Đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung của ông Trần Phước T, bà Cao Thị K là hợp lệ về hình thức và nội dung, phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết vụ án.

** Về nội dung:*

[1] Thừa đất số 688, tờ bản đồ số 00 thuộc Khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ, số 70 Lư Giang, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, có diện tích 125,1m² bà Trần Thị C khởi kiện chia tài sản chung có nguồn gốc từ việc bố trí tái định cư cho hộ ông Trần Khế (chết) và bà Cao Thị K thuộc diện giải tỏa Khu đô thị sinh thái Hòa X.

[2] Ngày 18/10/2013 Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Cao Thị K, ông Trần Khế (chết).

[3] Ngày 24/12/2013 bà Cao Thị K và các con chung của bà Khanh và ông Trần Khế (gồm ông Trần Ch, bà Trần Thị Th, ông Trần H, bà Trần Thị H, ông Trần Phước T, bà Trần Thị H) lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, đồng ý tặng cho phần thừa kế mà mỗi người được hưởng cho bà Cao Thị K.

[4] Ngày 03/4/2014 tại Văn phòng công chứng Phước N, bà Cao Thị K lập hợp đồng tặng cho ông Trần Phước T.

[5] Ngày 07/5/2014 Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đà Nẵng tại quận Cẩm Lệ chỉnh lý sang tên ông Trần Phước T.

Sau khi chỉnh lý sang tên ông Trần Phước T, vợ chồng ông Trần Phước T, bà Trần Thị C xây dựng ngôi nhà 02 tầng.

[6] Ngày 31/7/2014 tại Văn phòng công chứng Phước N, ông Trần Phước T lập hợp đồng tặng cho ½ quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị C.

[7] Năm 2018 ông Trần Phước T và bà Trần Thị C thuận tình ly hôn.

[8] Ngày 23/11/2018 bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu chia ½ tài sản chung là nhà và đất.

[9] Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 370/2019/HNGĐ-ST ngày 20/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C, buộc ông Trần Phước T phải bồi trả cho bà Cúc 30% giá trị quyền sử dụng đất là 1.014.949.685 đồng và ½ giá trị nhà là 406.470.622 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Cao Thị K

[10] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Phước T và bà Cao Thị K:

Ông Trần Phước T và bà Cao Thị K yêu cầu sửa bản án sơ thẩm với lý do: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 03/4/2014 tại Văn phòng công chứng Phước N giữa bà Cao Thị K với ông Trần Phước T là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện kèm theo. Bởi vì, trước đó ngày 30/3/2014 bà Cao Thị K, ông Trần Phước T, các thành viên trong gia đình gồm ông Trần Ch, bà Trần Thị Th, ông Trần H, bà Trần Thị H, Trần Thị H lập giấy thỏa thuận với nội dung bà Cao Thị K tặng cho ông Trần Phước T một lô đất để làm tài sản riêng, không được làm tài sản

chung của vợ chồng, không được mua bán, chuyển nhượng, tặng cho người khác dưới bất cứ hình thức nào, được làm nhà trên đất để ở, nếu vi phạm thì việc tặng cho của gia đình không còn giá trị. Việc ông Trần Phước T tặng cho bà Trần Thị C $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất đã vi phạm nghĩa vụ cam kết tại giấy thỏa thuận lập ngày 30/3/2014. Vì vậy, hợp đồng tặng cho $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất giữa ông T và bà Cúc lập tại Văn phòng công chứng Phước N vào ngày 31/7/2014 không có giá trị pháp lý.

Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 03/4/2014 tại Văn phòng công chứng Phước N, bà Cao Thị K đã lập hợp đồng tặng cho ông Trần Phước T quyền sử dụng đất thửa đất số 688, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, diện tích 125,1m². Việc tặng cho này là hoàn toàn tự nguyện đã được công chứng chứng nhận. Các nội dung trong hợp đồng tặng cho hoàn toàn không thể hiện các nội dung trong Giấy thỏa thuận lập ngày 30/3/2014 là gia đình cho ông Trần Phước T lô đất để làm tài sản riêng, không được làm tài sản chung của vợ chồng, không được mua bán, chuyển nhượng, tặng cho người khác dưới bất cứ hình thức nào, được làm nhà trên đất để ở, nếu vi phạm thì việc tặng cho của gia đình không còn giá trị. Mặt khác Giấy thỏa thuận lập ngày 30/3/2014 không được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận.

Như vậy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 688, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, diện tích 125,1m² giữa bà Cao Thị K và ông Trần Phước T không phải là hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện.

Ngày 07/5/2014 thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đà Nẵng tại quận Cẩm Lệ đã chỉnh lý sang tên ông Trần Phước T. Như vậy, ông Trần Phước T đã có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Ngày 31/7/2014 tại Văn phòng công chứng Phước N, ông Trần Phước T đã tự nguyện tặng cho $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất nêu trên cho vợ là bà Trần Thị C.

Theo quy định tại Điều 467 BLDS năm 2005 “Hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký” và quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013 “Việc tặng cho quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính”. Mặc dù bà Trần Thị C chưa thực hiện nghĩa vụ đăng ký với cơ quan đăng ký đất đai để xác lập quyền sử dụng đất nhưng việc bà Trần Thị C được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất được thể hiện bằng việc tự nguyện tặng cho của ông Trần Phước T và đã được công chứng chứng nhận. Ông Trần Phước T cũng xác nhận việc chưa thực hiện chỉnh lý sang tên bà Trần Thị C là

do chưa có tiền nộp thuế theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân phường và thực tế ông Trần Phước T bà Trần Thị C đã xây dựng ngôi nhà hai tầng trên đất để ở ổn định.

Án sơ thẩm xác định nhà và đất tại thửa đất số 688, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của ông Trần Phước T và bà Trần Thị C trong thời kỳ hôn nhân là hoàn toàn đúng pháp luật và căn cứ vào nguồn gốc hình thành tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất 688 thuộc quyền sở hữu của cha mẹ ông Trần Phước T, ông Trần Phước T được bà Cao Thị K tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên phân chia cho ông Trần Phước T 70% giá trị tài sản là quyền sử dụng đất tương ứng số tiền 2.368.215.933đ, bà Trần Thị C 30% giá trị tài sản là quyền sử dụng đất tương ứng số tiền 1.014.949.685đ, phân chia ông Trần Phước T, bà Trần Thị C mỗi bên được nhận 50% giá trị nhà tương ứng số tiền 406.470.622 đồng và giao cho ông Trần Phước T quản lý, sử dụng, sở hữu nhà và đất, thời trả phần giá trị cho bà Trần Thị C là phù hợp.

Từ những nhận định trên, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Phước T và yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị K, giữ nguyên án sơ thẩm.

[11] Do kháng cáo của ông Trần Phước T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm.

Bà Cao Thị K là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Phước T và bà Cao Thị K, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 370/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ.

Căn cứ các điều 33, 46, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 465, 467, 722 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” giữa bà Trần Thị C với ông Trần Phước T. Bà Trần Thị C được nhận 30% giá trị quyền sử dụng đất và $\frac{1}{2}$ giá trị nhà trên đất.

Giao cho ông Trần Phước T được quản lý, sử dụng và sở hữu đối với thửa đất số 688, tờ bản đồ số 00 và ngôi nhà 02 tầng có diện tích xây dựng 86,5m², diện tích sử dụng 178m², sân trước có diện tích 24,5m², sân sau có diện tích 5m², có kết cấu: móng đá và bê tông, trụ, khung, dầm, giằng, sàn bằng bê tông cốt thép tọa tại địa chỉ thửa đất khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (địa chỉ hiện nay là số 70 Lư Giang, tổ 73 phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).

Nhà và đất có tứ cận: Hướng đông giáp đất trống, hướng Tây giáp đất trống, hướng Nam giáp đường Lư Giang, hướng Bắc giáp mương thoát nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 305846 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/10/2013 đứng tên bà Cao Thị K, ông Trần Khế (chết), ngày 07/5/2014 Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đà Nẵng tại quận Cẩm Lệ đã chỉnh lý sang tên ông Trần Phước T. Nhà và đất trị giá 4.196.106.864 đồng.

Ông Trần Phước T phải có nghĩa vụ thối lại phần chênh lệch về chia tài sản chung cho bà Trần Thị C với số tiền là 1.421.420.307 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi ngàn ba trăm lẻ bảy đồng).

Ông Trần Phước T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị K về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 03/4/2014 giữa bà Cao Thị K với ông Trần Phước T và hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31/7/2014 giữa ông Trần Phước T với bà Trần Thị C.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Phước T phải chịu 87.493.731 đồng (Tám mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi một đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị C phải chịu 54.642.609 đồng (Năm mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm lẻ chín đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu số 0005561 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như

vậy, bà Trần Thị C còn phải nộp tiếp số tiền là 48.392.609 đồng (Bốn mươi tám triệu ba trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm lẻ chín đồng).

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, bà Trần Thị C phải chịu 1.000.000 đồng, ông Trần Phước T phải chịu 1.000.000 đồng; chi phí định giá tài sản là 14.400.000 đồng, ông Trần Phước T phải chịu 10.080.000 đồng, bà Trần Thị C phải chịu 4.320.000 đồng. Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 16.400.000 đồng do bà Trần Thị C đã nộp và đã chi nên ông Trần Phước T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Trần Thị C chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.080.000 đồng (Mười một triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Phước T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0000912 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Cẩm Lệ;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tự Sinh

